

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG THPT CNK TDTT  
NGUYỄN THỊ ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2024

**BIÊN BẢN**

**Niêm yết công khai quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm  
2024 (điều chỉnh lần 2)**

Hôm nay, vào hồi 09 giờ ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trường THPT chuyên năng  
khiếu TDTT Nguyễn Thị Định

Chúng tôi gồm:

**1. Người niêm yết:**

Ông: Lê Quang Ninh - Chức vụ: Hiệu trưởng  
Ông: Bùi Đức Nghĩa - Chức vụ: Kế toán

**2. Người chứng kiến niêm yết:**

Ông: Lê Nguyễn Cường - Chức vụ: Trưởng ban TTND  
Bà: Nguyễn Thị Kim Hằng - Chức vụ: Chủ tịch CĐCS  
Bà: Hà Thị Ngọc Phượng - Chức vụ: Thư ký hội đồng

Tiến hành lập biên bản niêm yết công khai quyết định giao dự toán ngân sách nhà  
nước năm 2024 (điều chỉnh lần 2) của Trường THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn  
Thị Định;

Thời gian niêm yết: 30 ngày (Từ ngày 26/6/2024 đến hết ngày 26/7/2024)

Nơi niêm yết: Bảng tin phòng hội đồng giáo viên

Biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản lưu trữ tại trường, 01 bản gửi Sở Giáo dục  
và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

Người chứng kiến niêm yết

Lê Nguyễn Cường .....

Nguyễn Thị Kim Hằng .....

Hà Thị Ngọc Phượng .....

Người niêm yết

Bùi Đức Nghĩa

Lê Quang Ninh



Số: 44 /QĐ-NTĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu – chi ngân sách năm 2024 của trường  
THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định

### HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THPT CHUYÊN NĂNG KHIẾU TDTT NGUYỄN THỊ ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4244/QĐ-SGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1612/QĐ-SGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 (điều chỉnh lần 2);

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán thu – chi ngân sách năm 2024 (điều chỉnh lần 2) của trường THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định;

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

**Điều 3.** Bộ phận kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:;  
- Kế toán (Nghĩa);  
- Lưu: VT, TV.



Lê Quang Ninh

Đơn vị: Trường THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định

Chương: 422

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 44 /QĐ-NTĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: đồng

| STT | Nội dung                                       | Dự toán được giao |
|-----|------------------------------------------------|-------------------|
| I   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí    |                   |
| 1   | Số thu phí, lệ phí                             |                   |
| 1.1 | Lệ phí                                         |                   |
| 1.2 | Phí                                            |                   |
| 2   | Chi từ nguồn thu phí được để lại               |                   |
| 2.1 | Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo                 |                   |
| a   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                   |
| b   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |
| 2.2 | Chi quản lý hành chính                         |                   |
| a   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                   |
| b   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                   |
| 3   | Số phí, lệ phí nộp NSNN                        |                   |
| 3.1 | Lệ phí                                         |                   |
| 3.2 | Phí                                            |                   |
| II  | Dự toán chi ngân sách nhà nước                 |                   |
| 1   | Chi quản lý hành chính                         |                   |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                   |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                   |
| 2   | Nghiên cứu khoa học                            |                   |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ |                   |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia     |                   |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ           |                   |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở        |                   |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng  |                   |
| 2.3 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề      | 568.876.000       |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                   |
|     | Chi từ ngân sách thành phố                     |                   |
|     | Chi từ nguồn cải cách tiền lương               |                   |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           | 568.876.000       |
|     | Chi từ ngân sách thành phố                     | 568.876.000       |
|     | Chi từ nguồn cải cách tiền lương               |                   |
| 4   | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình         |                   |
| 4.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                   |
| 4.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                   |
| 5   | Chi bảo đảm xã hội                             |                   |



| STT  | Nội dung                                                                                  | Dự toán được giao |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 5.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                            |                   |
| 5.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                      |                   |
| 6    | Chi hoạt động kinh tế                                                                     |                   |
| 6.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                            |                   |
| 6.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                      |                   |
| 7    | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                                                           |                   |
| 7.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                            |                   |
| 7.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                      |                   |
| 8    | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                                                           |                   |
| 8.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                            |                   |
| 8.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                      |                   |
| 9    | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn                                          |                   |
| 9.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                            |                   |
| 9.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                      |                   |
| 10   | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                                                            |                   |
| 10.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                            |                   |
| 10.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                      |                   |
| 11   | Chi Chương trình mục tiêu                                                                 |                   |
| 1    | Chi Chương trình mục tiêu quốc gia<br>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia) |                   |
| 2    | Chi Chương trình mục tiêu<br>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)                   |                   |



*Handwritten signature*